TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2019
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Lâm.

Bà Sơn Thị Vành Đa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yến - Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Âu Ngọc Q; cư trú tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn D; cư trú tại ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 10 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Âu Ngọc Q trình bày:

Vào năm 2007, chị Âu Ngọc Q và anh Phan Văn D có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 01, ngày 19 tháng 11 năm 2007, là hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới, chị Q và anh D chung sống tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không đồng thuận với nhau trong cuộc sống dẫn đến tình cảm không còn, nên chị Q và anh D không còn chung sống với nhau từ năm 2011 đến nay.

Trong thời gian chung sống, chị Q và anh D có một con chung tên Phan Huy K, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2009, hiện nay cháu K đang sống chung với chị Q.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay chị Âu Ngọc Q yêu cầu Toà án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị Âu Ngọc Q yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn D.

- Về con chung: Chị Âu Ngọc Q yêu cầu được nuôi con chung tên Phan Huy K, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2009 đến tuổi thành niên, chị Q không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 44/TB-TLVA ngày 19 tháng 02 năm 2019, tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh Phan Văn D, nhưng anh D không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Q. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ 02 lần đối với anh D để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của anh D trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, không còn sống chung với nhau thời gian dài, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; về con chung giao con chung tên Phan Huy K, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2009 cho nguyên đơn nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn có đơn yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng trong vụ án ly hôn. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Chị Âu Ngọc Q cư trú tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; anh Phan Văn D cư trú tại ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Chị Q có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh D và yêu cầu được nuôi con chung. Chị Q đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện M đã thụ lý đơn và thông báo cho chị Q nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị Q đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý việc khởi kiện của chị Âu Ngọc Q là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với bị đơn anh Phan Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Phan Văn D.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Âu Ngọc Q, sinh năm 1986 và anh Phan Văn D, sinh năm 1979 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 01, ngày 19 tháng 11 năm 2007 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Âu Ngọc Q và anh Phan Văn D là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Âu Ngọc Q, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị Q, anh D hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, không đồng thuận với nhau trong cuộc sống dẫn đến tình cảm không còn, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến năm 2011, thì chị Q, anh D không còn sống chung cho đến nay và chị Q, anh D đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh, chị trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q.

[5] Về con chung: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu được nuôi con chung là Phan Huy K, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2009 đến tuổi thành niên. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị Q, Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản ghi ý kiến ngày 12 tháng 3 năm 2019, cháu Phan Huy K thể hiện nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với mẹ là chị Âu Ngọc Q nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần

xem xét chấp nhận giao cháu Phan Huy K cho chị Âu Ngọc Q nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị Q không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung đến tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 1 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, anh Phan Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh D không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị Âu Ngọc Q.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Âu Ngọc Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị Âu Ngọc Q là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Âu Ngọc Q và anh Phan Văn D được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Huy K, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2009 cho chị Âu Ngọc Q nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Phan Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh D không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị Q.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Âu Ngọc Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Âu Ngọc Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Âu Ngọc Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/ 0003576 ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Âu Ngọc Q đã nộp xong án phí.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện M;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn